

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2025

Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;
2. Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Cơ sở 2 Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Rỡ R, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ; CCCD số 094196004936, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/9/2022 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; Giấy CMND số 366079378, cấp tại Công an tỉnh S (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2025 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lâm Thị Rỡ R trình bày:

Năm 2015, chị R kết hôn cùng anh Nguyễn Văn S; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp T, xã T.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị R với anh S đã có 01

con chung là cháu Nguyễn Lâm Kim N (Nữ), sinh ngày 03/8/2015. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn càng trầm trọng, không còn hạnh phúc, đã không còn sống chung từ năm 2017. Nay, chị R yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Do anh S đã trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng không còn sống chung, chị R đồng ý để anh S được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao Căn cước công dân của chị R; Giấy chứng nhận kết hôn của chị R với anh S; bản sao Giấy khai sinh của cháu N; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ.

- Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn S: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh S không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do nên được tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 20/8/2025, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng, điều kiện của các đương sự. Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị R được ly hôn với anh S; giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị R có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị R yêu cầu ly hôn với anh S và giải quyết quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Quan hệ tranh chấp này được điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh S được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Căn cước công dân của chị R; Giấy chứng nhận kết hôn của anh S với chị R; bản sao Giấy khai sinh của cháu N cũng như việc không phản đối của anh S và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị R về kết hôn với anh S, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 01 con chung là sự thật. Cho nên, chị R và anh S đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay; dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; chỉ vì mâu thuẫn mà chị R và anh S không sống chung, không cùng nhau chăm lo cho cháu N. Như vậy, chị R và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị R ly hôn với anh S.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu N đã trên 7 tuổi; phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ; chính quyền địa phương không phải hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ, nuôi

dưỡng cháu; chị R đồng ý để anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện cấp dưỡng cho con như trình bày ở trên.

Xét, anh S đã một mình nuôi con từ hơn 08 năm nay, thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình; về phía chị R, đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều luật này. Vì vậy, để ổn định môi trường sống và hoạt động của cháu N thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R, giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị R có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV; chị R phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Thị Rỡ R được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về quyền nuôi con:

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R, giao cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Lâm Kim N (Nữ), sinh ngày 03/8/2015.

Trong thời gian anh S nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng:

Chị Lâm Thị Rỡ R có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N, cấp dưỡng định kỳ 2.000.000 đồng/tháng (Mỗi tháng hai triệu đồng) đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lâm Thị Rỡ R phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007896 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề (Nay là Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ). Như vậy, chị R còn phải nộp bổ sung số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Chị Rỡ R có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- UBND xã T;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG

